

THÔNG TIN

TUYÊN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2024 (DỰ KIẾN)

Căn cứ Nghị định số 186/2013/NĐ-CP, ngày 17 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ về Đại học Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 26/2014/QĐ-TTg ngày 26 tháng 03 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Quốc gia và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Thông tư số 15/2020/TT-BGDĐT ngày 26/05/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông và Thông tư số 02/2024/TT-BGDĐT ngày 06/03/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế thi tốt nghiệp trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 15/2020/TT-BGDĐT ngày 26/05/2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 05/2021/TT-BGDĐT ngày 12/02/2021 và Thông tư số 06/2023/TT-BGDĐT ngày 24/03/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục mầm non;

Căn cứ Quyết định số 1328/QĐ-ĐHQGHN ngày 18/04/2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy chế tuyển sinh đại học chính quy tại Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 4412/QĐ-ĐHQGHN ngày 31/12/2021 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định cơ chế đặc thù trong tuyển sinh và đào tạo liên thông bậc trung học phổ thông (THPT) và bậc đại học tại ĐHQGHN;

Căn cứ Quyết định số 5292/QĐ-ĐHQGHN ngày 29/12/2023 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc ban hành Quy định về quản lý và thu hút người nước ngoài học tập ở Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 585/QĐ-ĐHQGHN ngày 01/02/2024 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội về việc giao chỉ tiêu tuyển sinh đại học chính quy, thạc sĩ chính quy, tiến sĩ năm 2024;

Căn cứ Hướng dẫn số 600/ĐHQGHN-ĐT ngày 01/03/2024 về Hướng dẫn xây dựng thông tin (dự kiến) tuyển sinh đại học chính quy năm 2024 của Đại học Quốc gia Hà Nội;

Trường Đại học Việt Nhật, Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN) thông báo thông tin tuyển sinh đại học chính quy năm 2024 (dự kiến) như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên đơn vị đào tạo

- Tiếng Việt: **Trường Đại học Việt Nhật, Đại học Quốc gia Hà Nội**
- Tiếng Anh: **Vietnam Japan University, Vietnam National University, Hanoi**
(VNU Vietnam Japan University)

2. Mã trường: VJU

3. Địa điểm các trụ sở

- Cơ sở Mỹ Đình: Trường Đại học Việt Nhật, ĐHQGHN, đường Lưu Hữu Phước, Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội.
- Cơ sở Hòa Lạc: Trường Đại học Việt Nhật, Khu QGHN04, Khu đô thị Đại học Quốc gia Hà Nội, Hòa Lạc, Thạch Thất, Hà Nội

4. Địa chỉ trang thông tin điện tử của đơn vị đào tạo

- Trang chủ: <https://vju.ac.vn>
- Website tuyển sinh: <https://admission.vju.ac.vn>

5. Địa chỉ các trang mạng xã hội của đơn vị đào tạo (có thông tin tuyển sinh)

- Facebook: <https://www.facebook.com/vnu.vju>
- Youtube: <https://www.youtube.com/c/VietnamJapanUniversity>

6. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh

- Điện thoại: 024 730066001 (máy lẻ 5093)
- Hotline: 096 695 4736; 096 9638426

7. Tình hình việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp

Trường Đại học Việt Nhật bắt đầu tổ chức đào tạo đại học chính quy từ năm 2020 nên chưa có sinh viên tốt nghiệp và dữ liệu về tình hình việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên. Tuy vậy, với các khóa thạc sĩ được triển khai đào tạo từ năm 2016, nhiều học viên sau khi tốt nghiệp được các đại học hàng đầu Nhật Bản & thế giới cấp học bổng học tiếp ở trình độ cao hơn và 100% có việc làm trong đó có hơn 90% có công việc liên quan đến ngành đào tạo. Nhiều học viên được các doanh nghiệp Nhật Bản tuyển dụng trước thời điểm tốt nghiệp.

Do đó, với vị thế và danh tiếng của Trường Đại học Việt Nhật trên thế giới nói chung và Nhật Bản, Việt Nam nói riêng, dựa trên sự phối hợp chặt chẽ với các đại học đối tác Nhật Bản, các doanh nghiệp Nhật Bản tại Việt Nam và Nhật Bản, Trường kỳ vọng với các chương trình đào tạo (CTĐT) đang được đào tạo ở Trường, 100% sinh viên sẽ có việc làm trước và trong vòng 12 tháng sau khi tốt nghiệp.

II. TUYỂN SINH ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

1. Đối tượng tuyển sinh

Theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) và của Đại học Quốc gia Hà Nội (ĐHQGHN), bao gồm:

- Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;
- Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa bậc THPT theo quy định của pháp luật;
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định; Đạt các yêu cầu sơ tuyển, nếu đăng ký xét tuyển (ĐKXT) hoặc dự thi vào các trường/khoa có quy định sơ tuyển;
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.

2. Phạm vi tuyển sinh

Trường Đại học Việt Nhật tuyển sinh trên cả nước và quốc tế.

3. Các ngành/chương trình đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh

3.1 Các ngành/chương trình đào tạo và mã xét tuyển

TT	Tên ngành	Bằng tốt nghiệp	Thời gian đào tạo	Mã xét tuyển
1	Nhật Bản học	Cử nhân	4 năm	VJU1
2	Khoa học và Kỹ thuật máy tính	Cử nhân	4 năm	VJU2
3	Kỹ thuật cơ điện tử (Cơ điện tử thông minh và sản xuất theo phương thức Nhật Bản)	Kỹ sư	4,5 năm	VJU3
4	Công nghệ thực phẩm và sức khỏe	Kỹ sư	4,5 năm	VJU4
5	Nông nghiệp thông minh và bền vững	Kỹ sư	4,5 năm	VJU5
6	Kỹ thuật xây dựng	Kỹ sư	4,5 năm	VJU6

3.2 Trường Đại học Việt Nhật tuyển sinh đại học chính quy như sau

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Ngành/CTĐT	Mã phương thức xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Chi tiêu	Mã tổ hợp xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT				
							Tổ hợp xét tuyển PTXT kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024				THXT phương thức khác
							THXT1	THXT2	THXT3	THXT4	
I	Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi										
1	Ngành Nhật Bản học					120					
	Đại học	7310613	Nhật Bản học	100	Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024	36	A01 D28	D01 D06	D14 D63	D78 D81	
				401	Xét kết quả thi đánh giá năng lực cho học sinh THPT do ĐHQGHN tổ chức	36					Q00
				402	Xét kết quả thi đánh giá năng lực cho học sinh THPT do ĐHQG TP Hồ Chí Minh tổ chức						
				408	Xét tuyển chứng chỉ quốc tế	2					
				- Xét kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ); - Xét chứng chỉ ACT (American College Testing); - Xét chứng chỉ A-Level (Cambridge International Examinations A-Level, UK)						J48	

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Ngành/CTĐT	Mã phương thức xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Chi tiêu	Mã tổ hợp xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT				
							Tổ hợp xét tuyển PTXT kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024				THXT phương thức khác
							THXT1	THXT2	THXT3	THXT4	
I	Lĩnh vực Khoa học xã hội và hành vi										
1	Ngành Nhật Bản học										
	Đại học	7310613	Nhật Bản học	301	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Điều 8, Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT	2					J31
				303	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy định đặc thù của ĐHQGHN						J33
				409	Xét tuyển chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế kết hợp 2 môn thi tốt nghiệp THPT năm 2024	8					
501				Xét hồ sơ năng lực (đánh giá kết quả học tập và phỏng vấn)	36						J51
II	Lĩnh vực máy tính và công nghệ thông tin										
2	Khoa học và Kỹ thuật máy tính					150					
	Đại học	7480204	Khoa học và Kỹ thuật máy tính	100	Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024	45	A00	A01 D28	D07 D23	D08 D33	
				401	Xét kết quả thi đánh giá năng lực cho học sinh THPT do ĐHQGHN tổ chức	45					Q00
402				Xét kết quả thi đánh giá năng lực cho học sinh THPT do ĐHQG TP Hồ Chí Minh tổ chức							

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Ngành/CTĐT	Mã phương thức xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Chi tiêu	Mã tổ hợp xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT				
							Tổ hợp xét tuyển PTXT kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024				THXT phương thức khác
							THXT1	THXT2	THXT3	THXT4	
II	Lĩnh vực máy tính và công nghệ thông tin										
2	Đại học	7480204	Khoa học và Kỹ thuật máy tính	408	Xét tuyển chứng chỉ quốc tế	3					J48
					- Xét kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ); - Xét chứng chỉ ACT (American College Testing); - Xét chứng chỉ A-Level (Cambridge International Examinations A-Level, UK)						
				301	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Điều 8, Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT	3					J31
				303	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy định đặc thù của ĐHQGHN						J33
				409	Xét tuyển chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế kết hợp 2 môn thi tốt nghiệp THPT năm 2024	9					J49
				501	Xét hồ sơ năng lực (đánh giá kết quả học tập và phỏng vấn)	45					J51

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Ngành/CTĐT	Mã phương thức xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Chi tiêu	Mã tổ hợp xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT				
							Tổ hợp xét tuyển PTXT kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024				THXT phương thức khác
							THXT1	THXT2	THXT3	THXT4	
III	Lĩnh vực Kỹ thuật										
3	Ngành Kỹ thuật cơ điện tử					55					
	Đại học	7520114	Cơ điện tử thông minh và sản xuất theo phương thức Nhật Bản	100	Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024	17	A00	A01 D28	D07 D23	D01 D06	
				401	Xét kết quả thi đánh giá năng lực cho học sinh THPT do ĐHQGHN tổ chức	17					Q00
				402	Xét kết quả thi đánh giá năng lực cho học sinh THPT do ĐHQG TP Hồ Chí Minh tổ chức						
				408	Xét tuyển chứng chỉ quốc tế	1					
					- Xét kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ); - Xét chứng chỉ ACT (American College Testing); - Xét chứng chỉ A-Level (Cambridge International Examinations A-Level, UK)						J48

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Ngành/CTĐT	Mã phương thức xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu	Mã tổ hợp xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT				
							Tổ hợp xét tuyển PTXT kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024				THXT phương thức khác
							THXT1	THXT2	THXT3	THXT4	
III	Lĩnh vực Kỹ thuật										
3	Ngành Kỹ thuật cơ điện tử										
	Đại học	7520114	Cơ điện tử thông minh và sản xuất theo phương thức Nhật Bản	301	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Điều 8, Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT	1					J31
				303	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy định đặc thù của ĐHQGHN						J33
				409	Xét tuyển chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế kết hợp 2 môn thi tốt nghiệp THPT năm 2024	2					J49
501				Xét hồ sơ năng lực (đánh giá kết quả học tập và phỏng vấn)	17					J51	
IV	Lĩnh vực Sản xuất và chế biến										
4	Ngành Công nghệ thực phẩm và sức khỏe						55				
	Đại học	7540118QTD	Công nghệ thực phẩm và sức khỏe	100	Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024	17	A00	B00	A01 D28	D01 D06	

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Ngành/CTĐT	Mã phương thức xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Chi tiêu	Mã tổ hợp xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT				
							Tổ hợp xét tuyển PTXT kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024				THXT phương thức khác
							THXT1	THXT2	THXT3	THXT4	
IV	Lĩnh vực Sản xuất và chế biến										
4	Công nghệ thực phẩm và sức khỏe										
	Đại học	7540118QTD	Công nghệ thực phẩm và sức khỏe	401	Xét kết quả thi đánh giá năng lực cho học sinh THPT do ĐHQGHN tổ chức	17					Q00
				402	Xét kết quả thi đánh giá năng lực cho học sinh THPT do ĐHQG TP Hồ Chí Minh tổ chức						
				408	Xét tuyển chứng chỉ quốc tế	1					
				- Xét kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ); - Xét chứng chỉ ACT (American College Testing); - Xét chứng chỉ A-Level (Cambridge International Examinations A-Level, UK)						J48	

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Ngành/CTĐT	Mã phương thức xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu	Mã tổ hợp xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT				
							Tổ hợp xét tuyển PTXT kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024				THXT phương thức khác
							THXT1	THXT2	THXT3	THXT4	
IV	Lĩnh vực Sản xuất và chế biến										
4	Ngành Công nghệ thực phẩm và sức khỏe										
	Đại học	7540118QTD	Công nghệ thực phẩm và sức khỏe	301	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Điều 8, Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT	1					J31
				303	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy định đặc thù của ĐHQGHN						J33
				409	Xét tuyển chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế kết hợp 2 môn thi tốt nghiệp THPT năm 2024	2					J49
501				Xét hồ sơ năng lực (đánh giá kết quả học tập và phỏng vấn)	17					J51	
V	Lĩnh vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản										
5	Ngành Nông nghiệp thông minh và bền vững					20					
	Đại học	7620122QTD	Nông nghiệp thông minh và bền vững	100	Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024	6	A00	B00	A01 D28	D01 D06	

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Ngành/CTĐT	Mã phương thức xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu	Mã tổ hợp xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT				
							Tổ hợp xét tuyển PTXT kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024				THXT phương thức khác
							THXT1	THXT2	THXT3	THXT4	
V	Lĩnh vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản										
5	Ngành Nông nghiệp thông minh và bền vững										
	Đại học	7620122QTD	Nông nghiệp thông minh và bền vững	401	Xét kết quả thi đánh giá năng lực cho học sinh THPT do ĐHQGHN tổ chức	6					Q00
				402	Xét kết quả thi đánh giá năng lực cho học sinh THPT do ĐHQG TP Hồ Chí Minh tổ chức						
				408	Xét tuyển chứng chỉ quốc tế	1					
				- Xét kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ); - Xét chứng chỉ ACT (American College Testing); - Xét chứng chỉ A-Level (Cambridge International Examinations A-Level, UK)						J48	

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Ngành/CTĐT	Mã phương thức xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu	Mã tổ hợp xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT				
							Tổ hợp xét tuyển PTXT kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024				THXT phương thức khác
							THXT1	THXT2	THXT3	THXT4	
V	Lĩnh vực Nông, lâm nghiệp và thủy sản										
5	Ngành Nông nghiệp thông minh và bền vững										
	Đại học	7620122QTD	Nông nghiệp thông minh và bền vững	301	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Điều 8, Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT	1					J31
				303	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy định đặc thù của ĐHQGHN						J33
				409	Xét tuyển chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế kết hợp 2 môn thi tốt nghiệp THPT năm 2024	1					J49
501				Xét hồ sơ năng lực (đánh giá kết quả học tập và phỏng vấn)	5					J51	
VI	Lĩnh vực Kiến trúc và xây dựng										
6	Ngành Kỹ thuật xây dựng					50					
	Đại học	7580201	Kỹ thuật xây dựng	100	Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024	15	A00	A01 D28	D01 D06	D07 D23	

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Ngành/CTĐT	Mã phương thức xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Chi tiêu	Mã tổ hợp xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT				
							Tổ hợp xét tuyển PTXT kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024				THXT phương thức khác
							THXT1	THXT2	THXT3	THXT4	
VI	Lĩnh vực Kiến trúc và xây dựng										
6	Ngành Kỹ thuật xây dựng										
	Đại học	7580201	Kỹ thuật xây dựng	401	Xét kết quả thi đánh giá năng lực cho học sinh THPT do ĐHQGHN tổ chức	15					Q00
				402	Xét kết quả thi đánh giá năng lực cho học sinh THPT do ĐHQG TP Hồ Chí Minh tổ chức						
				408	Xét tuyển chứng chỉ quốc tế	2					
				- Xét kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ); - Xét chứng chỉ ACT (American College Testing); - Xét chứng chỉ A-Level (Cambridge International Examinations A-Level, UK)						J48	

TT	Trình độ đào tạo	Mã ngành	Ngành/CTĐT	Mã phương thức xét tuyển	Phương thức xét tuyển	Chỉ tiêu	Mã tổ hợp xét tuyển theo kết quả thi tốt nghiệp THPT				
							Tổ hợp xét tuyển PTXT kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024				THXT phương thức khác
							THXT1	THXT2	THXT3	THXT4	
VI	Lĩnh vực Kiến trúc và xây dựng										
6	Ngành Kỹ thuật xây dựng										
	Đại học	7580201	Kỹ thuật xây dựng	301	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Điều 8, Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT	1					J31
				303	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy định đặc thù của ĐHQGHN						J33
				409	Xét tuyển chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế kết hợp 2 môn thi tốt nghiệp THPT năm 2024	2					
501				Xét hồ sơ năng lực (đánh giá kết quả học tập và phỏng vấn)	15						J51

4. Các phương thức xét tuyển năm 2024

TT	Phương thức tuyển sinh	Thời gian nhận hồ sơ	Lệ phí	Ghi chú
1	Xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024	Theo Quy định của Bộ GD&ĐT	-	- Thí sinh tốt nghiệp trước năm 2024 thi lại các môn theo tổ hợp xét tuyển trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024; - Sử dụng điểm thi môn ngoại ngữ tốt nghiệp THPT năm 2024 từ 5.0 điểm trở lên hoặc có kết quả học tập trung bình 6 kỳ môn ngoại ngữ bậc THPT từ 7.0 điểm trở lên hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế theo Quy chế thi THPT của Bộ GD&ĐT; - Chi tiết tuyển sinh tại Phụ lục 1
2	Xét tuyển kết hợp			
2.1	Không sử dụng kết quả thi THPT			
-	Xét kết quả thi đánh giá năng lực cho học sinh THPT do ĐHQGHN tổ chức	Từ ngày 18/03/2024 – ngày 15/6/2024	30.000đ/hồ sơ	- Thí sinh tham dự kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQGHN và ĐHQG TP Hồ Chí Minh tổ chức (<i>xét kết quả của 2 năm 2023&2024</i>); - Chi tiết tuyển sinh tại Phụ lục 3
-	Xét kết quả thi đánh giá năng lực cho học sinh THPT do ĐHQG TP Hồ Chí Minh tổ chức		30.000đ/hồ sơ	
-	Xét kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ)		30.000đ/hồ sơ	- Thí sinh có chứng chỉ còn hạn sử dụng tính đến ngày đăng ký xét tuyển (<i>thời hạn sử dụng 02 năm kể từ ngày đăng ký dự tuyển</i>); - Chi tiết tuyển sinh tại Phụ lục 5
-	Xét chứng chỉ ACT (American College Testing)			
-	Xét chứng chỉ A-Level (Cambridge International Examinations A-Level, UK)			

TT	Phương thức tuyển sinh	Thời gian nhận hồ sơ	Lệ phí	Ghi chú
2.2	Xét tuyển chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế kết hợp 2 môn thi tốt nghiệp THPT năm 2024	Từ ngày 18/03/2024 – ngày 15/6/2024	30.000đ/hồ sơ	<ul style="list-style-type: none"> - Thí sinh có chứng chỉ còn hạn sử dụng tính đến ngày đăng ký xét tuyển (<i>thời hạn sử dụng 02 năm kể từ ngày đăng ký dự tuyển</i>); - <i>Chi tiết tuyển sinh tại Phụ lục 2</i>
3	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển			
-	Theo quy định của Điều 8, Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ GD&ĐT		30.000đ/hồ sơ	<i>Chi tiết tuyển sinh tại Phụ lục 6</i>
-	Theo quy định đặc thù của ĐHQGHN	Từ ngày 18/03/2024 – ngày 15/6/2024	30.000đ/hồ sơ	
4	Xét hồ sơ năng lực (đánh giá kết quả học tập và phỏng vấn)		580.000đ/đợt	<ul style="list-style-type: none"> - Sử dụng điểm thi môn ngoại ngữ tốt nghiệp THPT năm 2024 từ 5.0 điểm trở lên hoặc có kết quả học tập trung bình 6 kỳ môn ngoại ngữ bậc THPT từ 7.0 điểm trở lên hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế theo Quy chế thi THPT của Bộ GD&ĐT - <i>Chi tiết tuyển sinh tại Phụ lục 4</i>

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh ĐKXT vào các ngành

5.1 Địa điểm đào tạo

Trường Đại học Việt Nhật có hai địa điểm đào tạo chính:

- Cơ sở Mỹ Đình: Trường Đại học Việt Nhật, ĐHQGHN, đường Lưu Hữu Phước, Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

- Cơ sở Hòa Lạc: Trường Đại học Việt Nhật, QGHN04, Khu đô thị Đại học Quốc gia Hà Nội, Hòa Lạc, Thạch Thất, Hà Nội.

- Sinh viên năm thứ nhất của các CTĐT học tập tại cơ sở Hòa Lạc. Từ năm thứ hai trở đi sẽ học chủ yếu tại cơ sở Mỹ Đình.

- Sinh viên học ở Hòa Lạc sẽ được hỗ trợ ký túc xá và đi lại theo chính sách của Nhà trường.

5.2 Mã trường, mã xét tuyển

- Mã trường: **VJU**

- Mã xét tuyển: Tất cả các ngành đào tạo của Trường sử dụng mã xét tuyển quy định tại mục 3.1, Điều 3 của Văn bản này.

5.3 Mã phương thức

Mã phương thức được quy định tại mục 3.2, Điều 3 của Văn bản này.

6. Học phí, học bổng

6.1 Học phí

TT	Chương trình đào tạo	Học phí/năm	Ghi chú
1	Nhật Bản học	58.000.000/năm , thu theo học kỳ, mỗi năm có hai học kỳ	<ul style="list-style-type: none"> - Là các CTĐT chất lượng cao theo đặc thù đơn vị và học phí tính theo định mức kinh tế kỹ thuật; - Học phí chưa bao gồm lệ phí nhập học, phí học lại, học cải thiện điểm và các phí khác liên quan dịch vụ giá trị gia tăng phát sinh khác ngoài CTĐT hoặc sinh viên không hoàn thành đúng kế hoạch đào tạo; - Cam kết không tăng học phí trong toàn khóa học nếu sinh viên hoàn thành đúng kế hoạch đào tạo
2	Khoa học và Kỹ thuật máy tính		
3	Kỹ thuật cơ điện tử (Cơ điện tử thông minh và sản xuất theo phương thức Nhật Bản)		
4	Công nghệ thực phẩm và sức khỏe		
5	Nông nghiệp thông minh và bền vững		

TT	Chương trình đào tạo	Học phí/năm	Ghi chú
6	Kỹ thuật xây dựng	25.000.000/năm , thu theo học kỳ, mỗi năm có hai học kỳ	- Học phí chưa bao gồm lệ phí nhập học, phí học lại, học cải thiện điểm và các phí liên quan dịch vụ giá trị gia tăng phát sinh khác ngoài CTĐT hoặc sinh viên không hoàn thành đúng kế hoạch đào tạo; - Cam kết không tăng học phí trong toàn khóa học nếu sinh viên hoàn thành đúng kế hoạch đào tạo

6.2 Học bổng

Trường dành tối thiểu 8% từ nguồn thu học phí hàng năm để cấp học bổng khuyến khích học tập. Các sinh viên đạt kết quả đầu vào và thành tích học tập xuất sắc theo từng học kỳ được nhận học bổng, chiếm khoảng 20% tổng số sinh viên của từng khóa. Ngoài ra Trường còn có các loại học bổng do các nhà tài trợ, doanh nghiệp Nhật Bản và Việt Nam cấp theo từng học kỳ như Yamamoto, Furyo, Deha, Pasona Tech, BIDV... Bên cạnh đó, sinh viên Trường Đại học Việt Nhật còn được đăng ký nhận các loại học bổng có giá trị cao do ĐHQGHN quản lý như Kumho Asiana, Mitsubishi, Yamada, Posco, Annex, ADF, Nitori, Đình Thiện Lý, K-T, Vingroup, Tháp sáng niềm tin...

7. Điểm chuẩn và điểm quy đổi theo thang điểm 30

7.1 Điểm chuẩn

- Điểm chuẩn của các ngành/CTĐT do Hội đồng tuyển sinh quyết định;
- Điểm chuẩn theo các phương thức xét tuyển có mã 501, 408 và 403 được công bố theo thang điểm của phương thức đó;
- Điểm chuẩn theo các phương thức xét tuyển có mã 100 và 409 được công bố theo thang điểm 30;
- Điểm chuẩn theo phương thức xét tuyển có mã 401 được công bố theo thang điểm 200 với công thức tính điểm xét (ĐXT) như sau:

+ Ngành Nhật Bản học:

ĐXT HSA = Điểm Tư duy định tính x 2 + Điểm Tư duy định lượng + Điểm Khoa học

+ Các ngành còn lại:

ĐXT HSA = Điểm Tư duy định lượng x 2 + Điểm Tư duy định tính + Điểm Khoa học

7.2 Điểm quy đổi theo thang điểm 30

- Điểm quy đổi (ĐQĐ) của các phương thức theo thang điểm 30 dùng để làm căn cứ xếp loại kết quả đầu vào và xét học bổng;

- Công thức tính ĐQĐ theo từng phương thức như sau:

+ Phương thức 100:

$$\text{ĐQĐ} = \text{Điểm thi (Môn 1 + Môn 2 + Môn 3)} + \text{Điểm U'T (ĐT, KV)}$$

Trong đó: Môn 1, 2, 3 là các môn trong tổ hợp xét tuyển tương ứng với các ngành.

Nếu một trong các môn trong tổ hợp xét tuyển là môn ngoại ngữ thì sử dụng điểm ngoại ngữ đã được quy đổi theo quy định;

+ Phương thức 401:

$$\text{ĐQĐ (HSA)} = \text{Điểm thi (HSA)} * 30/200 + \text{Điểm U'T (ĐT, KV)}$$

+ Phương thức 403:

$$\text{ĐQĐ (APT)} = \text{Điểm thi (APT)} * 30/1200 + \text{Điểm U'T (ĐT, KV)}$$

+ Phương thức 408:

$$\text{SAT: } \text{ĐQĐ (SAT)} = \text{Điểm thi SAT} * 30/1600 + \text{Điểm U'T (ĐT, KV)}$$

$$\text{A-Level: } \text{ĐQĐ (A-Level)} = (\text{Điểm 3 môn})/10 + \text{Điểm U'T (ĐT, KV)};$$

trong đó bắt buộc có điểm môn toán hoặc môn ngữ văn trong tổ hợp xét tuyển tương ứng đối với các ngành

$$\text{ACT: } \text{ĐQĐ (ACT)} = \text{Điểm thi ACT} * 30/36 + \text{Điểm U'T (ĐT, KV)}$$

+ Phương thức 409:

$$\text{ĐQĐ} = \text{Điểm ngoại ngữ quy đổi} + \text{Điểm 2 môn thi THPT còn lại trong tổ hợp xét tuyển} + \text{Điểm U'T (ĐT, KV)}$$

Điểm quy đổi được làm tròn đến hai chữ số thập phân.

8. Chênh lệch điểm chuẩn trúng tuyển

Trong cùng một mã xét tuyển theo các tổ hợp môn, điểm trúng tuyển theo các tổ hợp là như nhau.

9. Điều kiện phụ khi xét tuyển

- Đối với phương thức xét tuyển dựa trên kết quả thi tốt nghiệp THPT, điều kiện phụ khi xét tuyển theo tổ hợp môn D01/D06 của CTĐT ngành Kỹ thuật cơ điện tử là: Điểm thi tốt nghiệp môn Toán THPT năm 2024 từ 8.5 điểm trở lên.

- Đối với các ngành còn lại thì không có tiêu chí phụ nào thêm.

10. Nguyên tắc xét tuyển

- Trường Đại học Việt Nhật xét tuyển các nguyện vọng thí sinh đã đăng ký theo nguyên tắc từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu phân bổ từng ngành/CTĐT;

- Trường hợp Trường xét tuyển không đủ chỉ tiêu theo một phương thức, số chỉ tiêu còn lại được chuyển sang phương thức khác;

- Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển sớm nếu có nguyện vọng xét tuyển vào Trường Đại học Việt Nhật bắt buộc phải đăng ký trên Hệ thống tuyển sinh theo kế hoạch của Bộ GD&ĐT;

- Trường Đại học Việt Nhật công bố trúng tuyển chính thức sau khi thí sinh tốt nghiệp THPT hoặc tương đương.

11. Chính sách ưu tiên

11.1 Nguyên tắc cộng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng

- Trường Đại học Việt Nhật áp dụng cộng điểm ưu tiên khu vực đối tượng theo Quy chế tuyển sinh đại học của Bộ GD&ĐT;

- Năm 2024, điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22.5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau (áp dụng quy định của Quy chế tuyển sinh đại học hiện hành của Bộ GD&ĐT):

Điểm UT = [(30 – Tổng điểm đạt được)/7.5] x Mức điểm ưu tiên theo quy định của Bộ

11.2 Cách tính điểm ưu tiên theo từng phương thức xét tuyển

- Trường Đại học Việt Nhật áp dụng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng vào điểm xét tuyển đối với phương thức xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024;

- Đối với các phương thức khác, Trường không áp dụng điểm ưu tiên khu vực, đối tượng vào điểm xét tuyển.

12. Tổ chức tuyển sinh

12.1 Đăng ký và xét tuyển

a) Trường tổ chức đăng ký và xét tuyển sớm dành cho các phương thức xét tuyển sau:

- Xét kết quả thi ĐGNL do ĐHQGHN tổ chức (mã 401);

- Xét chứng chỉ quốc tế gồm SAT, A-Level, ACT (mã 408);

- Xét tuyển thẳng theo quy định của quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT (mã 301) và theo cơ chế đặc thù của ĐHQGHN (mã 303);

- Xét kết quả xét hồ sơ năng lực (mã 501).

b) Trường tổ chức đăng ký sớm và xét tuyển theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo theo các phương thức xét tuyển sau:

- Xét chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế kết hợp kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 (mã 409).

c) Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 (mã 100): thời gian, hình thức đăng ký xét tuyển theo lịch trình chung của Bộ GD&ĐT.

Căn cứ vào kết quả xét tuyển đợt 1, đối với các ngành còn chỉ tiêu tuyển sinh Trường sẽ xét tuyển đợt bổ sung. Thông tin chi tiết sẽ được Trường công bố sau.

12.2 Hình thức, thời gian đăng ký và lệ phí xét tuyển

a) Gồm 2 hình thức nộp hồ sơ

- Trực tiếp: Nộp tại Văn phòng tuyển sinh, phòng 510, Trường Đại học Việt Nhật, đường Lưu Hữu Phước, Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

- Trực tuyến: Đăng ký xét tuyển trực tuyến tại: <https://ams.vju.ac.vn/registerForm>

Sau khi hoàn thành đăng ký trực tuyến, thí sinh gửi hồ sơ qua đường bưu điện về địa chỉ: Văn phòng tuyển sinh, Trường Đại học Việt Nhật, Phòng 510, Tầng 5, đường Lưu Hữu Phước, Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

b) Thời gian đăng ký

- Đợt 1: Từ ngày 18/03/2024 đến ngày 15/06/2024 (*áp dụng với các phương thức quy định tại mục a, b của Khoản 12.1, Điều 12 của văn bản này*);

- Đợt bổ sung (nếu có): Các thí sinh đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào hoặc cao hơn được nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển bổ sung.

Thời gian nộp hồ sơ theo thông báo tuyển sinh đợt bổ sung được công bố sau.

Đối với phương thức xét tuyển dựa theo kết quả xét hồ sơ năng lực lịch trình tổ chức như sau:

Lịch trình tổ chức xét kết quả xét hồ sơ năng lực năm 2024

Nội dung	Thời gian phỏng vấn	Thông báo kết quả
Nộp hồ sơ dự tuyển	Từ ngày 18/03/2024 – ngày 15/6/2024	-
Phỏng vấn đợt 1	Từ ngày 13/04 – ngày 14/4/2024	Ngày 26/4/2024
Phỏng vấn đợt 2	Từ ngày 4/5- ngày 5/5/2024	Ngày 17/5/2024
Phỏng vấn bổ sung (nếu có)	Từ ngày 15/6 – ngày 16/6/2024	Ngày 28/6/2024
Công bố kết quả học bổng	-	Dự kiến: Đợt 1: Ngày 26/4/2024 Đợt 2: Ngày 21/7/2024

c) Lệ phí xét tuyển

- Đối với phương thức xét HSNL: **580.000VNĐ/thí sinh/đợt**;

- Đối với các phương thức khác: **30.000VNĐ/thí sinh/hồ sơ**.

Hình thức nộp lệ phí xét tuyển: **Chuyển khoản**

Nội dung chuyển tiền: **“DKTSTT_CCCD của thí sinh_Mã xét tuyển của CTĐT_Mã ký hiệu của phương thức xét tuyển”**

Ví dụ: Bạn Nguyễn Văn A có số CCCD 001026123456 đăng ký xét tuyển vào ngành Nhật Bản học với phương thức xét tuyển dựa theo kết quả xét hồ sơ năng lực sẽ nộp lệ phí tuyển sinh là 580.000VNĐ và ghi cú pháp là:

DKTSTT 001026123456 VJU1 1

Mã xét tuyển của CTĐT được quy định như sau:

TT	Ngành/Chương trình đào tạo	Mã xét tuyển
1	Nhật Bản học	VJU1
2	Khoa học và Kỹ thuật máy tính	VJU2
3	Kỹ thuật cơ điện tử (Cơ điện tử thông minh và sản xuất theo phương thức Nhật Bản)	VJU3
4	Công nghệ thực phẩm và sức khỏe	VJU4
5	Nông nghiệp thông minh và bền vững	VJU5
6	Kỹ thuật xây dựng	VJU6

Mã ký hiệu của phương thức xét tuyển được quy định như sau:

TT	Phương thức xét tuyển	Mã ký hiệu	Lệ phí
1	Xét kết quả hồ sơ năng lực	1	580.000
2	Xét kết quả chứng chỉ các kỳ thi (SAT/ACT/A-Level)	2	30.000
3	Xét kết quả chứng chỉ ngoại ngữ kết hợp điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2024	3	30.000
4	Xét kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQGHN hoặc ĐHQG TP HCM	4	30.000
5	Xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển	5	30.000

Thông tin tài khoản:

Chủ tài khoản: Trường Đại học Việt Nhật, Đại học Quốc gia Hà Nội
Số tài khoản: 2600816336
Ngân hàng: TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)
Chi nhánh: Mỹ Đình

12.3 Hồ sơ xét tuyển

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Đơn vị	Yêu cầu
<i>Áp dụng với các phương thức xét tuyển</i>				
1	Phiếu đăng ký xét tuyển ĐHCQ năm 2024	01	Bản	Bắt buộc

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Đơn vị	Yêu cầu
2	Bản công chứng CCCD (hai mặt)	01	Bản	
3	Lệ phí xét tuyển	Theo quy định của Trường		
4	Đơn đăng ký học bổng	01	Bản	Tùy theo nguyện vọng của thí sinh
5	Bản công chứng bằng tốt nghiệp THPT do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp kèm bản dịch tiếng Việt được cơ quan có thẩm quyền chứng thực	01	Bản	Bắt buộc với thí sinh dự tuyển có bằng tốt nghiệp chương trình THPT do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phép
6	Bản công chứng kết quả quá trình học tập do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp kèm bản dịch tiếng Việt được cơ quan có thẩm quyền chứng thực	01	Bản	
7	Bản công chứng Chứng chỉ tiếng Việt dùng cho người nước ngoài của các cơ sở đào tạo cấp do Bộ GD&ĐT cấp phép	01	Bản	Bắt buộc với thí sinh dự tuyển là người nước ngoài
<i>Đối với phương thức xét tuyển hồ sơ năng lực</i>				
8	Bản sao học bạ THPT 5 học kỳ (2 học kỳ lớp 10&11; học kỳ 1 lớp 12)	01	Bản	Bắt buộc
9	Bản photo Chứng chỉ/chứng nhận/bằng khen	01	Bộ	Nếu có
<i>Đối với phương thức xét tuyển chứng chỉ quốc tế hoặc xét tuyển kết quả thi ĐGNL cho học sinh THPT do ĐHQGHN hoặc ĐHQG TPHCM tổ chức</i>				
10	Bản công chứng Chứng chỉ, chứng nhận kết quả của các kỳ thi (HSA, APT, SAT, A-Level, ACT)	01	Bản	Bắt buộc
<i>Đối với phương thức xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển</i>				
11	Bản công chứng Giấy chứng nhận giải thưởng kỳ thi học sinh giỏi cấp quốc gia/quốc tế	01	Bản	Bắt buộc
12	Bản công chứng Giấy chứng nhận giải thưởng Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia/quốc tế	01	Bản	Bắt buộc
13	Bản công chứng Quyết định cử tham dự kỳ thi/cuộc thi của Bộ GD&ĐT hoặc các Sở GD&ĐT địa phương	01	Bản	
14	Nội dung đề tài đạt giải	01	Bản	Bắt buộc với thí sinh đạt giải thưởng tại cuộc thi khoa học, kỹ thuật

Lưu ý: Thí sinh ký và ghi rõ họ tên vào các hồ sơ bằng mực xanh. Thí sinh có trách nhiệm bảo đảm các thông tin trong hồ sơ chính xác, trường hợp phát hiện sai sót khi nhập học kết quả xét tuyển của thí sinh trước đó sẽ bị hủy.

12.4 Thông tin liên hệ tuyển sinh

Văn phòng tuyển sinh, Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên, Trường Đại học Việt Nhật

Địa chỉ: - Phòng 510, Tầng 5, Trường Đại học Việt Nhật, đường Lưu Hữu Phước, Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội

- Phòng 109, Nhà điều hành Trường Đại học Việt Nhật, Hòa Lạc, Hà Nội

Điện thoại: (+84) 966 954 736 - (+84) 969 638 426

Email: admission@vju.ac.vn . Website: <https://vju.ac.vn>

Nơi nhận:

- Như Kính gửi;
- Ban giám hiệu (để b/c);
- Lưu: VT, ĐT&CTSV, HP06.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng Oanh

PHỤ LỤC 1

XÉT TUYỂN KẾT QUẢ TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2024

1. Đối tượng: Thí sinh sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024

2. Điều kiện đăng ký xét tuyển

- Thí sinh đăng ký theo các tổ hợp xét tuyển đối với từng ngành đào tạo.
- Thí sinh được đăng ký xét tuyển không giới hạn số nguyện vọng và phải sắp xếp nguyện vọng theo thứ tự ưu tiên từ cao xuống thấp;
- Trường Đại học Việt Nhật sẽ thông báo cụ thể ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào sau khi có kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024.

- Thí sinh đáp ứng điều kiện ngoại ngữ một trong các tiêu chí sau: Có điểm thi môn ngoại ngữ tốt nghiệp THPT năm 2024 từ **5.0 điểm trở lên** hoặc Có kết quả học tập trung bình 6 kỳ môn ngoại ngữ bậc THPT từ **7.0 điểm trở lên** hoặc Có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế theo Quy chế thi THPT của Bộ GD&ĐT. Đối với CTĐT ngành Kỹ thuật xây dựng **KHÔNG** áp dụng điều kiện đầu vào ngoại ngữ;

- Đối với CTĐT ngành Kỹ thuật cơ điện tử, tổ hợp xét tuyển D01/D06 có thêm điều kiện về môn Toán tốt nghiệp THPT năm 2024 đạt tối thiểu từ **8.5 trở lên**.

3. Nguyên tắc xét tuyển

- Không có chênh lệch điểm xét tuyển giữa các tổ hợp xét tuyển;
- **Điểm xét tuyển = Điểm thi (Môn 1 + Môn 2 + Môn 3) + Điểm UT (ĐT, KV)**
Trong đó: Môn 1, 2, 3 là các môn trong tổ hợp xét tuyển tương ứng với các ngành.
Nếu một trong các môn trong tổ hợp xét tuyển là môn ngoại ngữ thì sử dụng điểm ngoại ngữ đã được quy đổi theo quy định của Trường.
- Điểm xét tuyển được làm tròn đến hai chữ số thập phân;
- Năm 2024, điểm ưu tiên đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22.5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 10 và tổng điểm 3 môn tối đa là 30) được xác định theo công thức sau:

Điểm UT = [(30 – Tổng điểm đạt được)/7.5] x Mức điểm ưu tiên theo quy định của Bộ GD&ĐT

4. Thời gian và hình thức đăng ký xét tuyển: Thí sinh đăng ký xét tuyển trực tuyến theo thời gian quy định của Bộ GD&ĐT.

PHỤ LỤC 2
XÉT TUYỂN CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ QUỐC TẾ
KẾT HỢP KẾT QUẢ THI TỐT NGHIỆP THPT NĂM 2024

1. Đối tượng

Thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế đáp ứng một trong những điều kiện về ngưỡng đầu vào sau:

- Chứng chỉ tiếng Anh IELTS *từ 5.5 điểm trở lên* hoặc TOEFL iBT *từ 72 điểm trở lên*;

- Chứng chỉ tiếng Nhật JLPT từ *N3 trở lên*.

2. Điều kiện đăng ký xét tuyển

- Thí sinh sử dụng một trong ba loại chứng chỉ ngoại ngữ trên được quy đổi điểm sang thang điểm 10 như sau:

BẢNG QUY ĐỔI ĐIỂM CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ QUỐC TẾ SANG THANG ĐIỂM 10

TT	Chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế		Điểm quy đổi theo thang điểm 10
Chứng chỉ tiếng Anh			
	IELTS	TOEFL iBT	
1	5.5	72-78	8.50
2	6.0	79-87	9.00
3	6.5	88-95	9.25
4	7.0	96-101	9.50
5	7.5	102-109	9.75
6	8.0 – 9.0	110-120	10.00
Chứng chỉ tiếng Nhật			
7	JLPT N3		9.00
8	JLPT N2		9.50
9	JLPT N1		10.00

- Danh sách các cơ sở cấp chứng chỉ được công nhận:

Môn ngoại ngữ	Chứng chỉ đạt yêu cầu tối thiểu	Đơn vị cấp chứng chỉ
Tiếng Anh	IELTS 5.5 điểm	- British Council (BC) - International Development Program (IDP)
	TOEFL iBT 72 điểm	Educational Testing Service (ETS)
Tiếng Nhật	JLPT cấp độ N3	Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản (Japan Foundation)

- Thí sinh không sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế thi trực tuyến để đăng ký xét tuyển.

- Thời hạn chứng chỉ: còn hạn sử dụng tính đến ngày đăng ký xét tuyển (thời hạn sử dụng 02 năm kể từ ngày dự thi).

- Điểm thi 2 môn còn lại trong tổ hợp xét tuyển THPT năm 2024 đạt tối thiểu từ **14 điểm trở lên**; trong đó bắt buộc có môn Ngữ văn đối với CTĐT ngành Nhật Bản học; môn Toán đối với các CTĐT còn lại.

3. Nguyên tắc xét tuyển

- Xét tuyển thí sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương;

- Trường cập nhật danh sách thí sinh đăng ký xét tuyển và điểm chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế đã quy đổi sang thang điểm 10 lên Hệ thống tuyển sinh của Bộ GD&ĐT để thực hiện xét tuyển kết hợp cùng 2 môn thi còn lại thuộc tổ hợp xét tuyển trong kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024.

4. Thời gian đăng ký xét tuyển: Từ ngày 18/03/2024 đến ngày 15/6/2024

5. Hình thức đăng ký xét tuyển

- Trực tiếp: Nộp tại Văn phòng tuyển sinh, phòng 510, Trường Đại học Việt Nhật, đường Lưu Hữu Phước, Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

- Trực tuyến: Đăng ký xét tuyển trực tuyến tại: <https://ams.vju.ac.vn/registerForm>

Sau khi hoàn thành đăng ký trực tuyến, thí sinh gửi hồ sơ qua đường bưu điện về địa chỉ: Văn phòng tuyển sinh, Trường Đại học Việt Nhật, Phòng 510, Tầng 5, đường Lưu Hữu Phước, Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

6. Lệ phí đăng ký xét tuyển qua hình thức chuyển khoản

- Lệ phí: **30.000 đồng/hồ sơ**

- Cách thức nộp lệ phí:

Nội dung chuyển tiền: **“DKTSTT_CCCD của thí sinh_Mã xét tuyển của CTĐT_3”**

Trong đó, mã xét tuyển của CTĐT được quy định như sau:

TT	Ngành/Chương trình đào tạo	Mã xét tuyển
1	Nhật Bản học	VJU1
2	Khoa học và Kỹ thuật máy tính	VJU2
3	Kỹ thuật cơ điện tử (Cơ điện tử thông minh và sản xuất theo phương thức Nhật Bản)	VJU3
4	Công nghệ thực phẩm và sức khỏe	VJU4
5	Nông nghiệp thông minh và bền vững	VJU5
6	Kỹ thuật xây dựng	VJU6

“3” là mã ký hiệu của phương thức xét tuyển chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế kết hợp điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2024.

- Thông tin tài khoản:

Chủ tài khoản: Trường Đại học Việt Nhật, Đại học Quốc gia Hà Nội

Số tài khoản: 2600816336

Ngân hàng: TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)

Chi nhánh: Mỹ Đình

7. Hồ sơ dự tuyển

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Đơn vị	Yêu cầu
1	Phiếu đăng ký xét tuyển ĐHCQ năm 2024	01	Bản	Bắt buộc
2	Bản công chứng CCCD (hai mặt)	01	Bản	
3	Lệ phí xét tuyển	30.000 đồng		
4	Bản công chứng chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (còn hạn sử dụng)	01	Bản	
5	Đơn đăng ký học bổng	01	Bản	Tùy theo nguyện vọng của thí sinh

PHỤ LỤC 3

XÉT TUYỂN KẾT QUẢ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC HỌC SINH TRUNG HỌC PHỔ THÔNG DO ĐHQGHN HOẶC ĐHQG TP HỒ CHÍ MINH TỔ CHỨC

1. Đối tượng

- Thí sinh sử dụng kết quả thi Đánh giá năng lực (ĐGNL) học sinh bậc THPT do ĐHQGHN hoặc ĐHQG TP Hồ Chí Minh tổ chức;
- Xét tuyển kết quả thi ĐGNL trong hai năm 2023 và năm 2024.

2. Điều kiện đăng ký xét tuyển

- Thí sinh có kết quả thi ĐGNL học sinh bậc THPT do ĐHQGHN tổ chức **đạt tối thiểu từ 75/150 điểm trở lên**;
- Thí sinh có kết quả thi ĐGNL học sinh bậc THPT do ĐHQG TP Hồ Chí Minh tổ chức **đạt tối thiểu 750/1200 điểm trở lên**.

3. Nguyên tắc xét tuyển

- Xét tuyển theo nguyên tắc từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu phân bổ từng ngành/chương trình đào tạo;
- Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển sớm nếu có nguyện vọng xét tuyển vào Trường Đại học Việt Nhật bắt buộc phải đăng ký trên Hệ thống tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

4. Điểm xét tuyển kết quả thi ĐGNL do ĐHQGHN tổ chức

- Ngành Nhật Bản học

ĐXT HSA = Điểm Tư duy định tính x 2 + Điểm Tư duy định lượng + Điểm Khoa học

- Các ngành còn lại

ĐXT HSA = Điểm Tư duy định lượng x 2 + Điểm Tư duy định tính + Điểm Khoa học

Thang điểm xét tối đa 200 điểm. Điểm xét tuyển sẽ được Trường công bố sau khi hết thời gian nộp hồ sơ đăng ký xét tuyển.

5. Thời gian đăng ký xét tuyển: Từ ngày 18/03/2024 đến ngày 15/6/2024

6. Hình thức đăng ký xét tuyển

- Trực tiếp: Nộp tại Văn phòng tuyển sinh, phòng 510, Trường Đại học Việt Nhật, đường Lưu Hữu Phước, Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

- Trực tuyến: Đăng ký xét tuyển trực tuyến tại: <https://ams.vju.ac.vn/registerForm>

Sau khi hoàn thành đăng ký trực tuyến, thí sinh gửi hồ sơ qua đường bưu điện về địa chỉ: Văn phòng tuyển sinh, Trường Đại học Việt Nhật, Phòng 510, Tầng 5, đường Lưu Hữu Phước, Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

7. Lệ phí đăng ký xét tuyển qua hình thức chuyển khoản

- Lệ phí: **30.000 đồng/hồ sơ**

- Cách thức nộp lệ phí:

Nội dung chuyển tiền: **“DKTSTT_CCCD của thí sinh_Mã xét tuyển của CTĐT_4”**

Trong đó, mã xét tuyển của CTĐT được quy định như sau:

TT	Ngành/Chương trình đào tạo	Mã xét tuyển
1	Nhật Bản học	VJU1
2	Khoa học và Kỹ thuật máy tính	VJU2
3	Kỹ thuật cơ điện tử (Cơ điện tử thông minh và sản xuất theo phương thức Nhật Bản)	VJU3
4	Công nghệ thực phẩm và sức khỏe	VJU4
5	Nông nghiệp thông minh và bền vững	VJU5
6	Kỹ thuật xây dựng	VJU6

“4” là mã ký hiệu của phương thức xét tuyển kết quả thi ĐGNL do ĐHQGHN hoặc ĐHQG TP Hồ Chí Minh tổ chức

- Thông tin tài khoản:

Chủ tài khoản: Trường Đại học Việt Nhật, Đại học Quốc gia Hà Nội

Số tài khoản: 2600816336

Ngân hàng: TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)

Chi nhánh: Mỹ Đình

7. Hồ sơ dự tuyển

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Đơn vị	Yêu cầu
1	Phiếu đăng ký xét tuyển ĐHCQ	01	Bản	Bắt buộc
2	Bản công chứng CCCD (hai mặt)	01	Bản	
3	Lệ phí xét tuyển	30.000d đồng		
4	Bản công chứng chứng nhận kết quả thi ĐGNL cho học sinh THPT do ĐHQGHN hoặc ĐHQG TP HCM tổ chức (năm 2023 hoặc 2024)	01	Bản	
5	Đơn đăng ký học bổng	01	Bản	Tùy theo nguyện vọng của thí sinh

PHỤ LỤC 4
XÉT TUYỂN HỒ SƠ NĂNG LỰC
(ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP VÀ PHÒNG VẤN)

1. Đối tượng

- Thí sinh được công nhận tốt nghiệp THPT của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương;

- Thí sinh có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

2. Điều kiện đăng ký xét tuyển

- Có kết quả học lực và hạnh kiểm từ mức Trung bình trở lên hoặc tương đương;

- Đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp THPT của nước ngoài phải được cơ quan có thẩm quyền công nhận văn bằng. Nếu thí sinh là người nước ngoài phải có chứng chỉ tiếng Việt trình độ tương đương từ Bậc 4 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho người nước ngoài được cấp bởi các cơ sở do Bộ GD&ĐT cấp phép.

DANH SÁCH CÁC CƠ SỞ CẤP CHỨNG CHỈ TIẾNG VIỆT
CHO NGƯỜI NƯỚC NGOÀI DO BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO CẤP PHÉP

TT	Tên đơn vị
1	Trường Đại học Khoa học – Đại học Thái Nguyên
2	Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên
3	Trường Đại học Ngoại ngữ – Đại học Đà Nẵng
4	Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng
5	Trường Đại học Ngoại ngữ – Đại học Huế
6	Trường Đại học Khoa học xã hội nhân văn – Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh
7	Trường Đại học Khoa học xã hội nhân văn – Đại học Quốc gia Hà Nội
8	Trường Đại học Công nghiệp Hà Nội
9	Trường Đại học Cửu Long
10	Trường Đại học Hạ Long
11	Trường Đại học Quảng Nam
12	Trường Đại học Sư phạm Hà Nội
13	Trường Cao đẳng Sư phạm Thừa Thiên Huế
14	Trường Cao đẳng Sư phạm Nghệ An
15	Trường Cao đẳng Sơn La
16	Trường Hữu nghị 80
17	Trường Hữu nghị T78

3. Nguyên tắc xét tuyển

- Xét tuyển theo nguyên tắc từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu phân bổ từng ngành/chương trình đào tạo;

- Thí sinh trúng tuyển nếu đáp ứng các điều kiện sau đây:

+ Kết quả xét tuyển hồ sơ năng lực do Hội đồng tuyển sinh đánh giá **ĐẠT**;

+ Đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp của Việt Nam: Có kết quả học tập trung bình 3 năm bậc THPT của 2 môn (Toán, Ngữ văn) hoặc 2 môn trong tổ hợp xét tuyển đạt từ 7.0 điểm trở lên và hạnh kiểm loại Tốt; Đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp của nước ngoài: Có kết quả học tập trung bình 3 năm bậc THPT (quy đổi) đạt từ 6.5 điểm theo thang điểm 10 trở lên và có lý lịch nhân thân rõ ràng, hợp pháp theo quy định của pháp luật;

+ Có điểm thi môn ngoại ngữ tốt nghiệp THPT năm 2024 *từ 5.0 điểm trở lên* hoặc Có kết quả học tập trung bình 6 kỳ môn ngoại ngữ bậc THPT *từ 7.0 điểm trở lên* hoặc Có chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế theo Quy chế thi THPT của Bộ GD&ĐT. Đối với CTĐT ngành Kỹ thuật xây dựng KHÔNG áp dụng điều kiện đầu vào ngoại ngữ.

Bảng quy đổi quá trình học tập của thí sinh có bằng tốt nghiệp tương đương trình độ THPT do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phép sang thang điểm 10

TT	Thang điểm chữ	Thang điểm 4	Thang điểm 10
1	A	4.0	8.5-10
2	B+	3.5	8.0-8.4
3	B	3.0	7.0-7.9
4	C+	2.5	6.5-6.9
5	C	2.0	5.5-6.4
6	D+	1.5	5.0-5.4
7	D	1.0	4.0-4.9
8	F	0	< 4.0

- Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển sớm nếu có nguyện vọng xét tuyển vào Trường Đại học Việt Nhật bắt buộc phải đăng ký trên Hệ thống tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

4. Tiêu chí và ngưỡng điểm xét tuyển

4.1 Tiêu chí xét tuyển

- Thang điểm tối đa: 100 điểm;

- Kết quả xét tuyển gồm đánh giá kết quả học tập bậc THPT của thí sinh (hạnh kiểm, học lực, thành tích, chứng chỉ (nếu có)) của 5 học kỳ (năm lớp 10, 11 và học kỳ 1 của lớp 12) và kết quả phỏng vấn (động cơ học tập, năng lực tư duy tự nhiên/tư duy định tính và năng lực ngoại ngữ qua 2 kỹ năng nghe và nói (tiếng Anh hoặc tiếng Nhật)).

- Đối với thí sinh có bằng tốt nghiệp nước ngoài thì đánh giá kết quả học tập theo số lượng học kỳ thực tế của chương trình THPT mà thí sinh đã học và kết quả phỏng vấn tương tự như trên. Trường hợp đặc biệt sẽ do Hội đồng tuyển sinh xem xét và quyết định;

- Thang điểm của các tiêu chí đánh giá được quy định như sau:

TT	Hồ sơ năng lực	Mức điểm tối đa	
		Nhật Bản học	Các chương trình đào tạo còn lại
Bước 1 (đánh giá kết quả học tập bậc THPT của 5 học kỳ)		35	35
1	Hạnh kiểm (Tốt, Khá, Trung bình)	5	5
2	Học lực (Giỏi, Khá, Trung bình)	25	25
3	Thành tích, chứng chỉ... (nếu có)	5	5
Bước 2 (đánh giá phỏng vấn)		65	65
2.1	Động cơ học tập, năng lực tư duy tự nhiên/tư duy định tính*	35	45
2.2	Năng lực ngoại ngữ	30	20
Tổng		100	100

(*): CTĐT ngành Nhật Bản học đánh giá phỏng vấn gồm: động cơ học tập, năng lực tư duy định tính và năng lực ngoại ngữ; các CTĐT còn lại đánh giá phỏng vấn gồm: động cơ học tập, năng lực tư duy tự nhiên và năng lực ngoại ngữ.

Trong đó thang điểm chi tiết về đánh giá kết quả học tập bậc THPT của thí sinh như sau:

TT	Tiêu chí đánh giá	Điểm tối đa
1.	Hạnh kiểm (5 học kỳ)	5 Cụ thể: 1 điểm/học kỳ * 5 học kỳ
-	Tốt	1 điểm/học kỳ
-	Khá	0.75 điểm/học kỳ
-	Trung bình	0.5 điểm/học kỳ
2.	Học lực (5 học kỳ)	25 Cụ thể: 5 điểm/học kỳ * 5 học kỳ
-	Giỏi	5 điểm/học kỳ
-	Khá	3 điểm/học kỳ
-	Trung bình	1 điểm/học kỳ
3.	Thành tích, chứng chỉ... (nếu có)	5

5. Tổ chức xét tuyển

5.1 Quy trình xét tuyển

- Thí sinh nộp hồ sơ xét tuyển được quy định tại Điều 9 của Văn bản này;

- Hội đồng tuyển sinh lập danh sách thí sinh đủ điều kiện dự tuyển và gửi thông báo về lịch phỏng vấn cho thí sinh qua email đã đăng ký.

Lưu ý: Thí sinh cần xác nhận tham gia/ không tham gia hoặc đề nghị chuyển đợt thi khác với Hội đồng tuyển sinh trước ngày thi ít nhất 02 ngày. Trong trường hợp thí sinh không thông báo cho Hội đồng tuyển sinh trước ngày thi thì lệ phí xét tuyển của đợt đã đăng ký không được chuyển đổi sang đợt xét tuyển khác.

- Thí sinh tham gia phỏng vấn trực tiếp tại cơ sở Mỹ Đình của Trường theo thông báo của Hội đồng tuyển sinh;

Đối với thí sinh ở địa phương có khoảng cách địa lý cách nơi tổ chức xét tuyển từ 300km trở lên, Hội đồng tuyển sinh tổ chức đánh giá theo hình thức trực tuyến căn cứ theo nguyện vọng của thí sinh.

- Hội đồng tuyển sinh thông báo kết quả cho thí sinh theo từng đợt sau 10 ngày làm việc (tính từ ngày cuối cùng của đợt phỏng vấn);

- Hội đồng tuyển sinh thông báo kết quả học bổng cho thí sinh tham gia dự tuyển đạt kết quả cao theo quy định của Trường.

5.2 Tổ chức phỏng vấn

- Sau khi kiểm tra hồ sơ xét tuyển của thí sinh dự tuyển hợp lệ, Hội đồng tuyển sinh thông báo lịch phỏng vấn cho thí sinh;

- Thí sinh có trách nhiệm có mặt đúng giờ, đúng địa điểm và mang theo giấy tờ tùy thân để làm thủ tục vào phòng thi;

Đối với thí sinh tham dự phỏng vấn bằng hình thức trực tuyến, thí sinh thực hiện đúng theo hướng dẫn của Hội đồng tuyển sinh. Thí sinh chỉ được cung cấp thông tin về link trực tuyến trước giờ thi 60 phút. Thí sinh cần chuẩn bị công cụ, máy móc theo quy định về thi trực tuyến của ĐHQGHN và theo quy định của Nhà trường. Trong trường hợp thí sinh bị phát hiện có hành vi vi phạm sẽ bị xử lý theo Quy chế tuyển sinh đại học chính quy hiện hành của ĐHQGHN.

Thời gian và quy định thi trực tuyến được quy định như thi trực tiếp.

- Thí sinh dự tuyển vào chương trình đào tạo ngành Nhật Bản học thực hiện phỏng vấn liên quan đến động cơ học tập, năng lực tư duy định tính và năng lực ngoại ngữ;

- Thí sinh dự tuyển vào các CTĐT các ngành còn lại thực hiện đánh giá phỏng vấn gồm: động cơ học tập, năng lực tư duy tự nhiên và năng lực ngoại ngữ.

5.3 Thông báo kết quả xét tuyển

- Ban thư ký tổng hợp và báo cáo Hội đồng tuyển sinh về điểm chuẩn của CTĐT;

- Hội đồng tuyển sinh báo cáo ĐHQGHN về tình hình thực hiện và điểm chuẩn theo từng đợt thi;

- Hội đồng tuyển sinh thông báo kết quả xét tuyển cho thí sinh theo từng đợt qua email sau 10 ngày làm việc (tính từ ngày cuối cùng của đợt phỏng vấn);

- Căn cứ kết quả xét tuyển, Hội đồng tuyển sinh thông báo kết quả học bổng cho thí sinh và tổ chức trao học bổng cho thí sinh với điều kiện là sinh viên của Trường.

6. Thời gian xét tuyển

Nội dung	Thời gian phỏng vấn	Thông báo kết quả
Nộp hồ sơ dự tuyển	Từ ngày 18/03/2024 – ngày 15/6/2024	-
Phỏng vấn đợt 1	Từ ngày 13/04 – ngày 14/4/2024	Ngày 26/4/2024
Phỏng vấn đợt 2	Từ ngày 4/5- ngày 5/5/2024	Ngày 17/5/2024
Phỏng vấn bổ sung (nếu có)	Từ ngày 15/6 – ngày 16/6/2024	Ngày 28/6/2024
Công bố kết quả học bổng	-	Dự kiến: Đợt 1: Ngày 26/4/2024 Đợt 2: Ngày 21/7/2024

7. Hình thức đăng ký xét tuyển

- Trực tiếp: Nộp tại Văn phòng tuyển sinh, phòng 510, Trường Đại học Việt Nhật, đường Lưu Hữu Phước, Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

- Trực tuyến: Đăng ký xét tuyển trực tuyến tại: <https://ams.vju.ac.vn/registerForm>

Sau khi hoàn thành đăng ký trực tuyến, thí sinh gửi hồ sơ qua đường bưu điện về địa chỉ: Văn phòng tuyển sinh, Trường Đại học Việt Nhật, Phòng 510, Tầng 5, đường Lưu Hữu Phước, Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

8. Lệ phí đăng ký xét tuyển qua hình thức chuyển khoản

- Lệ phí: **580.000 đồng/đợt**

- Cách thức nộp lệ phí:

Nội dung chuyển tiền: **“DKTSTT_CCCD của thí sinh_Mã xét tuyển của CTĐT_1”**

Trong đó, mã xét tuyển của CTĐT được quy định như sau:

TT	Ngành/Chương trình đào tạo	Mã xét tuyển
1	Nhật Bản học	VJU1
2	Khoa học và Kỹ thuật máy tính	VJU2
3	Kỹ thuật cơ điện tử (Cơ điện tử thông minh và sản xuất theo phương thức Nhật Bản)	VJU3

4	Công nghệ thực phẩm và sức khỏe	VJU4
5	Nông nghiệp thông minh và bền vững	VJU5
6	Kỹ thuật xây dựng	VJU6

“1” là mã ký hiệu của phương thức xét tuyển hồ sơ năng lực.

- Thông tin tài khoản:

Chủ tài khoản: Trường Đại học Việt Nhật, Đại học Quốc gia Hà Nội

Số tài khoản: 2600816336

Ngân hàng: TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)

Chi nhánh: Mỹ Đình

9. Hồ sơ dự tuyển

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Đơn vị	Yêu cầu
1	Phiếu đăng ký xét tuyển ĐHCQ năm 2024	01	Bản	Bắt buộc
2	Bản công chứng CCCD (hai mặt)	01	Bản	
3	Lệ phí xét tuyển	580.000 đồng		
4	Bản công chứng bằng tốt nghiệp THPT do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp kèm bản dịch tiếng Việt được cơ quan có thẩm quyền chứng thực	01	Bản	Bắt buộc với thí sinh dự tuyển có bằng tốt nghiệp chương trình THPT do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp phép
5	Bản công chứng kết quả quá trình học tập do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp kèm bản dịch tiếng Việt được cơ quan có thẩm quyền chứng thực	01	Bản	
6	Bản công chứng Chứng chỉ tiếng Việt dùng cho người nước ngoài của các cơ sở đào tạo cấp do Bộ GD&ĐT cấp phép	01	Bản	Bắt buộc với thí sinh dự tuyển là người nước ngoài
7	Bản sao học bạ THPT 5 học kỳ (năm lớp 10;11; học kỳ 1 lớp 12)	01	Bản	Bắt buộc
8	Đơn đăng ký học bổng	01	Bản	Tùy theo nguyện vọng của thí sinh
9	Bản photo Chứng chỉ/chứng nhận/bằng khen	01	Bộ	Nếu có

Lưu ý: Thí sinh ký và ghi rõ họ tên vào các hồ sơ bằng mực xanh. Thí sinh có trách nhiệm bảo đảm các thông tin trong hồ sơ chính xác, trường hợp phát hiện sai sót khi nhập học kết quả xét tuyển của thí sinh trước đó sẽ bị hủy.

10. Một số lưu ý đối với thí sinh

- Thí sinh đủ điều kiện phỏng vấn khi đáp ứng các điều kiện về hồ sơ xét tuyển và nộp lệ phí đầy đủ theo đúng thời gian đăng ký xét tuyển của mỗi đợt tại Điều 6 của văn bản này.

- Trường không hoàn lại lệ phí trong mọi trường hợp.

- Trường không phúc khảo đối với thí sinh tham gia phỏng vấn và KHÔNG tổ chức phỏng vấn lại.

- Đối với thí sinh không đề nghị chuyển đợt thi đúng quy định của Trường sẽ không được bảo lưu lệ phí đã nộp của đợt đăng ký. Trong trường hợp thí sinh muốn tham gia đợt khác thì thực hiện đăng ký xét tuyển và nộp lệ phí lại.

PHỤ LỤC 5

XÉT TUYỂN CHỨNG CHỈ QUỐC TẾ KHÁC (SAT, ACT, A-LEVEL)

1. Đối tượng

Thí sinh sử dụng một trong các chứng chỉ/kết quả quốc tế sau:

- Kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT (Scholastic Assessment Test, Hoa Kỳ);
- Kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa ACT (American College Testing);
- Chứng chỉ quốc tế A-Level (Cambridge International Examinations A-Level, UK)

2. Điều kiện đăng ký xét tuyển

- Thời hạn chứng chỉ: còn hạn sử dụng tính đến ngày đăng ký xét tuyển (thời hạn sử dụng 02 năm kể từ ngày dự thi).

- Thí sinh có kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa SAT từ **1100/1600** điểm trở lên.

Khi đăng ký thi SAT thí sinh cần khai báo mã đăng ký của ĐHQGHN với tổ chức thi SAT (The College Board) là **7853-Vietnam National University-Hanoi**;

- Thí sinh có kết quả trong kỳ thi chuẩn hóa ACT đạt từ **22/36** điểm trở lên;
- Thí sinh có chứng chỉ A-Level: có kết quả 3 môn thi đảm bảo mức điểm mỗi môn thi đạt tối thiểu **60/100** điểm (tương ứng điểm C, PUM range ≥ 60); (*trong đó bắt buộc có môn Toán đối với các CTĐT từ 2 đến 6 ở Điều 3; môn Ngữ văn đối với CTĐT ngành Nhật Bản học*).

3. Nguyên tắc xét tuyển

- Xét tuyển theo nguyên tắc kết quả SAT, ACT hoặc chứng chỉ A-Level từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu phân bổ từng ngành/chương trình đào tạo;

- Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển sớm nếu có nguyện vọng xét tuyển vào Trường Đại học Việt Nhật bắt buộc phải đăng ký trên Hệ thống tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

4. Thời gian đăng ký xét tuyển: Từ ngày 18/03/2024 đến ngày 15/6/2024

6. Hình thức đăng ký xét tuyển

- Trực tiếp: Nộp tại Văn phòng tuyển sinh, phòng 510, Trường Đại học Việt Nhật, đường Lưu Hữu Phước, Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

- Trực tuyến: Đăng ký xét tuyển trực tuyến tại: <https://ams.vju.ac.vn/registerForm>

Sau khi hoàn thành đăng ký trực tuyến, thí sinh gửi hồ sơ qua đường bưu điện về địa chỉ: Văn phòng tuyển sinh, Trường Đại học Việt Nhật, Phòng 510, Tầng 5, đường Lưu Hữu Phước, Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

7. Lệ phí đăng ký xét tuyển qua hình thức chuyển khoản

- Lệ phí: **30.000 đồng/hồ sơ**

- Cách thức nộp lệ phí:

Nội dung chuyển tiền: **“DKTSTT_CCCD của thí sinh_Mã xét tuyển của CTĐT_2”**

Trong đó, mã xét tuyển của CTĐT được quy định như sau:

TT	Ngành/Chương trình đào tạo	Mã xét tuyển
1	Nhật Bản học	VJU1
2	Khoa học và Kỹ thuật máy tính	VJU2
3	Kỹ thuật cơ điện tử (Cơ điện tử thông minh và sản xuất theo phương thức Nhật Bản)	VJU3
4	Công nghệ thực phẩm và sức khỏe	VJU4
5	Nông nghiệp thông minh và bền vững	VJU5
6	Kỹ thuật xây dựng	VJU6

“2” là mã ký hiệu của phương thức xét tuyển chứng chỉ quốc tế (SAT, ACT, A-Level)

- Thông tin tài khoản:

Chủ tài khoản: Trường Đại học Việt Nhật, Đại học Quốc gia Hà Nội

Số tài khoản: 2600816336

Ngân hàng: TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)

Chi nhánh: Mỹ Đình

7. Hồ sơ dự tuyển

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Đơn vị	Yêu cầu
1	Phiếu đăng ký xét tuyển ĐHCQ	01	Bản	Bắt buộc
2	Bản công chứng CCCD (hai mặt)	01	Bản	
3	Lệ phí xét tuyển	30.000 đồng		
4	Bản công chứng chứng chỉ quốc tế (SAT, ACT, A-Level) (còn hạn sử dụng)	01	Bản	
5	Đơn đăng ký học bổng	01	Bản	Tùy theo nguyện vọng của thí sinh

PHỤ LỤC 6

XÉT TUYỂN THĂNG, ƯU TIÊN XÉT TUYỂN THEO QUY CHẾ TUYỂN SINH CỦA BỘ GD&ĐT VÀ THEO QUY ĐỊNH ĐẶC THÙ CỦA ĐHQGHN

1. Đối tượng

1.1 Xét tuyển thăng

- Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT: Thí sinh đạt giải ba trở lên một trong các kỳ thi sau:

+ Kỳ thi chọn lọc học sinh giỏi quốc gia, quốc tế;

+ Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế do Bộ GD&ĐT tổ chức, cử tham gia.

- Theo Quy định đặc thù của ĐHQGHN: Thí sinh là học sinh THPT hệ chuyên thuộc ĐHQGHN và hệ chuyên/lớp chuyên của các trường THPT chuyên cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, các trường THPT trọng điểm quốc gia đạt giải chính thức một trong các kỳ thi sau:

+ Kỳ thi chọn học sinh giỏi bậc THPT cấp ĐHQGHN;

+ Kỳ thi Olympic bậc THPT của ĐHQGHN;

+ Kỳ thi sáng tạo, triển lãm khoa học kỹ thuật khu vực, quốc tế.

1.2 Ưu tiên xét tuyển

- Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT:

+ Thí sinh đạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn lọc học sinh giỏi quốc gia;

+ Thí sinh đạt giải tư trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia do Bộ GD&ĐT tổ chức;

+ Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Vật lý, Hóa học, Sinh học; Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia và tốt nghiệp THPT năm 2024, không dùng quyền xét tuyển thăng vào đại học;

- Theo Quy định đặc thù của ĐHQGHN:

+ Thí sinh là học sinh các trường THPT trên toàn quốc đạt giải một trong các kỳ thi/cuộc thi sau:

* Kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương;

* Kỳ thi Olympic bậc THPT của ĐHQGHN;

* Cuộc thi tháng của chương trình “Đường lên đỉnh Olympia” do Đài truyền hình Việt Nam tổ chức hàng năm;

+ Thí sinh là học sinh hệ không chuyên của các trường THPT chuyên thuộc ĐHQGHN đạt giải một trong các kỳ thi/cuộc thi sau:

* Kỳ thi chọn học sinh giỏi bậc THPT cấp ĐHQGHN;

* Kỳ thi sáng tạo, triển lãm khoa học kỹ thuật khu vực, quốc tế;

+ Thí sinh tham gia kỳ thi ĐGNL học sinh THPT do ĐHQGHN tổ chức (sử dụng kết quả của năm 2023 hoặc 2024).

2. Điều kiện đăng ký xét tuyển

2.1 Điều kiện đăng ký xét tuyển thẳng

Thí sinh được xét tuyển thẳng vào bậc đại học theo ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi mà thí sinh đã đoạt giải khi đáp ứng một trong các tiêu chí sau và thời gian đạt giải không quá 3 năm tính đến ngày đăng ký dự tuyển:

- Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn lọc học sinh giỏi quốc gia (*môn thi thuộc tổ hợp xét tuyển của Trường*);

- Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn lọc học sinh giỏi quốc tế (*môn thi đoạt giải thuộc tổ hợp xét tuyển của Trường*);

- Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia (*có nội dung đề tài phù hợp với ngành dự tuyển. Hội đồng tuyển sinh sẽ quyết định căn cứ vào nội dung đề tài và cuộc thi*);

- Thí sinh đạt giải nhất, nhì, ba trong cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc tế (*có nội dung đề tài phù hợp với ngành dự tuyển. Hội đồng tuyển sinh sẽ quyết định căn cứ vào nội dung đề tài và cuộc thi*).

2.2 Điều kiện đăng ký ưu tiên xét tuyển

Thí sinh diện ưu tiên xét tuyển vào bậc đại học của ĐHQGHN đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Có kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2024 đạt ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của ngành đào tạo trong năm tuyển sinh. Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào là tổng điểm thi THPT của 3 môn theo tổ hợp xét tuyển tương ứng hoặc tổng điểm 3 môn Toán, Văn và Ngoại ngữ và do ĐHQGHN quy định trong năm tuyển sinh.

- Môn ngoại ngữ của kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2024 đạt tối thiểu 5.0 điểm (thang điểm 10) hoặc sử dụng kết quả học tập từng kỳ môn ngoại ngữ đạt tối thiểu 7.0 điểm trở lên hoặc sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tương đương theo quy định tại Quy chế thi tốt nghiệp THPT hiện hành của Bộ GD&ĐT.

Ngoài ra, thí sinh thuộc diện ưu tiên xét tuyển phải đáp ứng thêm các điều kiện sau:

2.2.1 Theo Quy chế tuyển sinh của Bộ GD&ĐT

Thí sinh được ưu tiên xét tuyển vào bậc đại học theo ngành phù hợp với môn thi hoặc nội dung đề tài dự thi mà thí sinh đã đoạt giải và tốt nghiệp THPT năm 2024 khi đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

- Thí sinh đoạt giải khuyến khích trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia (*môn thi thuộc tổ hợp xét tuyển của Trường*);

- Thí sinh đoạt giải tư trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia (*nội dung đề tài phù hợp với ngành dự tuyển. Hội đồng tuyển sinh sẽ quyết định căn cứ vào nội dung đề tài và cuộc thi*);

- Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn học sinh giỏi quốc gia môn Vật lý, Hóa học, Sinh học; Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, không dùng quyền xét tuyển thẳng;

2.2.2. Theo Quy định đặc thù của ĐHQGHN

- Thí sinh là học sinh các trường THPT trên toàn quốc tốt nghiệp THPT năm 2024, có học lực Giỏi, hạnh kiểm Tốt trong 3 năm học THPT và đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

* Đạt giải Nhất, Nhì, Ba trong kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương và điểm trung bình chung học tập bậc THPT đạt từ 8.5 trở lên (*môn đạt giải thuộc tổ hợp xét tuyển của Trường*);

* Đạt giải chính thức trong các kỳ thi Olympic bậc THPT của ĐHQGHN (*môn đạt giải thuộc tổ hợp xét tuyển của Trường*);

* Là thành viên tham gia cuộc thi tháng của chương trình “Đường lên đỉnh Olympia” do Đài truyền hình Việt Nam tổ chức hàng năm và có điểm trung bình chung học tập bậc THPT đạt từ 8.5 trở lên;

- Thí sinh là học sinh hệ không chuyên của các trường THPT chuyên thuộc ĐHQGHN tốt nghiệp THPT năm 2024, có học lực Giỏi, hạnh kiểm Tốt trong 3 năm học THPT và đáp ứng một trong các tiêu chí sau:

* Đạt giải chính thức trong kỳ thi chọn học sinh giỏi bậc THPT cấp ĐHQGHN (*môn đạt giải thuộc tổ hợp xét tuyển của Trường*);

* Đạt giải chính thức trong các kỳ thi sáng tạo, triển lãm khoa học kỹ thuật khu vực, quốc tế (*nội dung đề tài phù hợp với ngành dự tuyển. Hội đồng tuyển sinh sẽ quyết định căn cứ vào nội dung đề tài và cuộc thi*)

* Có kết quả thi ĐGNL học sinh THPT do ĐHQGHN tổ chức đạt tối thiểu 90 điểm (thang 150).

Lưu ý: Thời gian đạt giải không quá 3 năm tính đến ngày đăng ký dự tuyển.

Thí sinh phải cung cấp thông tin, minh chứng về các giải thưởng, nội dung đề tài đạt giải của cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế thí sinh đã đạt được và dùng để dự tuyển.

Danh sách môn đoạt giải dùng để xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển vào các chương trình đào tạo trình độ đại học

TT	CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	Môn thi
1	Nhật Bản học	Ngữ văn
2		Lịch sử
3		Địa lý
4		Tiếng Anh
5		Tiếng Nhật (Cấp tỉnh, thành phố trực thuộc TW trở lên)
6	Khoa học và kỹ thuật máy tính; Kỹ thuật xây dựng	Toán học
7		Tin học
8		Vật lý
9		Hóa học
10		Tiếng Anh
11		Tiếng Nhật (Cấp tỉnh, thành phố trực thuộc TW trở lên)
12	Kỹ thuật cơ điện tử (Cơ điện tử thông minh và sản xuất theo phương thức Nhật Bản)	Toán học
13		Vật lý
14	Công nghệ thực phẩm Và sức khỏe	Toán học
15		Tin học
16		Sinh học
17		Hóa học
18		Tiếng Anh
19		Tiếng Nhật (Cấp tỉnh, thành phố trực thuộc TW trở lên)
20	Nông nghiệp thông minh và bền vững	Toán học
21		Tin học
22		Vật lý
23		Sinh học
24		Hóa học
25		Tiếng Anh
26		Tiếng Nhật (Cấp tỉnh, thành phố trực thuộc TW trở lên)

**DANH SÁCH CÁC TRƯỜNG THPT CHUYÊN NGOÀI ĐẠI HỌC QUỐC GIA
HÀ NỘI ĐƯỢC PHÂN BỔ CHỈ TIÊU XÉT TUYỂN THĂNG NĂM 2024**

TT	Mã trường	Tên trường	Tỉnh/ Thành phố
1	01.008	THPT Chu Văn An	Hà Nội
2	01.009	THPT Chuyên – Trường ĐH Sư phạm Hà Nội	
3	01.010	THPT Chuyên Hà Nội – Amsterdam	
4	01.012	THPT Chuyên Nguyễn Huệ	
5	01.079	THPT Sơn Tây	
6	03.013	THPT Chuyên Trần Phú	Hải Phòng
7	06.004	THPT Chuyên Cao Bằng	Cao Bằng
8	07.001	THPT Chuyên Lê Quý Đôn	Lai Châu
9	08.018	THPT Chuyên tỉnh Lào Cai	Lào Cai
10	09.009	THPT Chuyên tỉnh	Tuyên Quang
11	10.002	THPT Chuyên Chu Văn An	Lạng Sơn
12	11.019	THPT Chuyên tỉnh	Bắc Kạn
13	12.010	THPT Chuyên Thái Nguyên	Thái Nguyên
14	13.001	THPT Chuyên Nguyễn Tất Thành	Yên Bái
15	14.004	THPT Chuyên Sơn La	Sơn La
16	15.001	THPT Chuyên Hùng Vương	Phú Thọ
17	16.012	THPT Chuyên Vĩnh Phúc	Vĩnh Phúc
18	17.001	THPT Chuyên Hạ Long	Quảng Ninh
19	18.012	THPT Chuyên Bắc Giang	Bắc Giang
20	19.009	THPT Chuyên Bắc Ninh	Bắc Ninh
21	21.013	THPT Chuyên Nguyễn Trãi	Hải Dương
22	22.011	THPT Chuyên Hưng Yên	Hưng Yên
23	23.012	THPT Chuyên Hoàng Văn Thụ	Hòa Bình
24	62.002	THPT Chuyên Lê Quý Đôn	Điện Biên
25	24.011	THPT Chuyên Biên Hòa	Hà Nam
26	25.002	THPT Chuyên Lê Hồng Phong	Nam Định
27	26.002	THPT Chuyên Thái Bình	Thái Bình
28	27.011	THPT Chuyên Lương Văn Tụy	Ninh Bình
29	28.010	THPT Chuyên Lam Sơn	Thanh Hóa
30	29.006	THPT Chuyên Phan Bội Châu	Nghệ An
31	29.007	THPT Chuyên Đại học Vinh	
32	30.040	THPT Chuyên Hà Tĩnh	Hà Tĩnh
33	05.012	THPT Chuyên Hà Giang	Hà Giang
34	31.004	THPT Chuyên Võ Nguyên Giáp	Quảng Bình

3. Nguyên tắc xét tuyển

- Xét tuyển theo nguyên tắc từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu phân bổ từng ngành/CTĐT;

- Thí sinh đủ điều kiện trúng tuyển sớm nếu có nguyện vọng xét tuyển vào Trường Đại học Việt Nhật bắt buộc phải đăng ký trên Hệ thống tuyển sinh của Bộ GD&ĐT (đối với thí sinh thuộc diện xét tuyển thẳng).

4. Thời gian đăng ký xét tuyển: Từ ngày 18/03/2024 đến ngày 15/6/2024

5. Hình thức đăng ký xét tuyển

- Trực tiếp: Nộp tại Văn phòng tuyển sinh, phòng 510, Trường Đại học Việt Nhật, đường Lưu Hữu Phước, Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

- Trực tuyến: Đăng ký xét tuyển trực tuyến tại: <https://ams.vju.ac.vn/registerForm>

Sau khi hoàn thành đăng ký trực tuyến, thí sinh gửi hồ sơ qua đường bưu điện về địa chỉ: Văn phòng tuyển sinh, Trường Đại học Việt Nhật, Phòng 510, Tầng 5, đường Lưu Hữu Phước, Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội.

6. Lệ phí đăng ký xét tuyển qua hình thức chuyển khoản

- Lệ phí: **30.000 đồng/hồ sơ**

- Cách thức nộp lệ phí:

Nội dung chuyển tiền: **“DKTSTT_CCCD của thí sinh_Mã xét tuyển của CTĐT_5”**

Trong đó, mã xét tuyển của CTĐT được quy định như sau:

TT	Ngành/Chương trình đào tạo	Mã xét tuyển
1	Nhật Bản học	VJU1
2	Khoa học và Kỹ thuật máy tính	VJU2
3	Kỹ thuật cơ điện tử (Cơ điện tử thông minh và sản xuất theo phương thức Nhật Bản)	VJU3
4	Công nghệ thực phẩm và sức khỏe	VJU4
5	Nông nghiệp thông minh và bền vững	VJU5
6	Kỹ thuật xây dựng	VJU6

“5” là mã ký hiệu của phương thức xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển

- Thông tin tài khoản:

Chủ tài khoản: Trường Đại học Việt Nhật, Đại học Quốc gia Hà Nội

Số tài khoản: 2600816336

Ngân hàng: TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV)

Chi nhánh: Mỹ Đình

7. Hồ sơ dự tuyển

TT	Tên hồ sơ	Số lượng	Đơn vị	Yêu cầu
1	Phiếu đăng ký xét tuyển ĐHCQ	01	Bản	Bắt buộc
2	Bản công chứng CCCD (hai mặt)	01	Bản	
3	Lệ phí xét tuyển	30.000	VNĐ	
4	Bản công chứng Giấy chứng nhận đạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi chọn lọc học sinh giỏi quốc gia/quốc tế; Cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia, quốc tế kèm theo nội dung đề tài đạt giải	01	Bản	
5	Bản công chứng Quyết định cử tham dự của Bộ GD&ĐT hoặc của các Sở GD&ĐT địa phương	01	Bản	
5	Đơn đăng ký học bổng	01	Bản	Tùy theo nguyện vọng của thí sinh

PHỤ LỤC 7

**CÁC CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ QUỐC TẾ THEO QUY ĐỊNH
CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO DÙNG ĐỂ XÉT TUYỂN**

(Dùng cho xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT và xét tuyển hồ sơ năng lực)

Môn ngoại ngữ	Chứng chỉ đạt yêu cầu tối thiểu	Đơn vị cấp chứng chỉ
Tiếng Anh	TOEFL iBT 45 điểm	Educational Testing Service (ETS)
	IELTS 4.0 điểm	- British Council (BC) - International Development Program (IDP)
Tiếng Nhật	JLPT cấp độ N3	Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản (Japan Foundation)
Tiếng Trung Quốc	- HSK cấp độ 3	Văn phòng Hán ngữ đối ngoại Trung Quốc (Han Ban); Ủy ban Khảo thí trình độ Hán ngữ quốc gia (The National Committee for the Test of Proficiency in Chinese); Tổng bộ Viện Khổng tử (Trung Quốc); Trung tâm hợp tác giao lưu ngôn ngữ giữa Trung Quốc và nước ngoài (Center for Language Education and Cooperation)
	- TOCFL cấp độ 3	Ủy ban công tác thúc đẩy Kỳ thi đánh giá năng lực Hoa ngữ quốc gia (Steering Committee for the Test of Proficiency - Huayu)
Tiếng Pháp	- TCF 300 điểm - DELF B1	- Trung tâm Nghiên cứu Sư phạm quốc tế (Centre International d'Etudes Pédagogiques - CIEP) - Cơ quan Giáo dục Quốc tế Pháp (France Education International - FEI)

**BẢNG QUY ĐỔI ĐIỂM CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ THEO QUY ĐỊNH
CỦA BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO SANG THANG ĐIỂM 10**

(Dùng cho xét tuyển kết quả thi tốt nghiệp THPT và xét tuyển hồ sơ năng lực)

TT	Chứng chỉ ngoại ngữ		Điểm quy đổi (theo thang điểm 10)
Chứng chỉ tiếng Anh			
	IELTS	TOEFL iBT	
1	4.0	41-52	8.00
2	4.5 – 5.0	53-64	8.25
Chứng chỉ tiếng Nhật			
3	JLPT N3		9.00

TT	Chứng chỉ ngoại ngữ	Điểm quy đổi (theo thang điểm 10)
4	JLPT N2	9.50
5	JLPT N1	10.00
<i>Chứng chỉ tiếng Trung Quốc</i>		
6	HSK cấp độ 3 TOCFL cấp độ 3 (B1)	8.50
7	HSK cấp độ 4 TOCFL cấp độ 4 (B2)	9.00
8	HSK cấp độ 5 TOCFL cấp độ 5 (C1)	9.50
9	HSK cấp độ 6 TOCFL cấp độ 6 (C2)	10.00
<i>Chứng chỉ tiếng Pháp</i>		
10	- TCF 300-399 - DELF B1	8.50
11	- TCF 400-499 - DELF B2	9.00
12	- TCF 500-599 - DALF C1	9.50
13	- TCF 600-699 - DALF C2	10.00